

# BÀI TẬP LUẬT TỔ TỤNG DÂN SỰ CÓ ĐÁP ÁN

**Bài tập 1:** Tháng 10/2012, anh A cho anh B vay 200 triệu đồng, thời hạn trả nợ là tháng 12/2012, việc vay tiền có lập thành văn bản. Tháng 11.2012, anh A cho anh B thuê một xe bốn chỗ để đi lại và thời hạn trả xe vào tháng 02/2013.

Dù đã hết hạn trả nợ và trả xe đã lâu nhưng anh B vẫn không thực hiện nghĩa vụ nên anh A đã khởi kiện anh B ra Tòa án với hai yêu cầu: Anh B phải trả nợ gốc, tiền lãi theo hợp đồng vay tiền và trả lại xe cho anh A.

Tòa án Quận X, thành phố H đã thụ lý và giải quyết cả hai yêu cầu của anh A trong cùng một vụ án.

Theo anh, chị, Tòa án quận X thành phố H giải quyết cả hai yêu cầu của anh A trong cùng một vụ án như vậy là đúng hay sai? Tại sao?./.

## Đáp án

Căn cứ theo quy định tại khoản 1, Điều 188 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về Phạm vi khởi kiện thì do quan hệ dân sự vay tiền giữa anh A và anh B và quan hệ dân sự cho thuê xe giữa anh A và anh B có liên quan với nhau nên việc Tòa án Quận X, thành phố H đã thụ lý và giải quyết cả hai yêu cầu của anh A trong cùng một vụ án phù hợp với quy định của pháp luật.

Căn cứ pháp lý: khoản 1, Điều 188 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

**Bài tập 2:** A khởi kiện B yêu cầu Tòa án buộc B trả cho A số tiền 1 tỷ 200 triệu mà A đã cho B vay trong thời hạn 8 tháng kể từ ngày 01/02/2010, nếu hết thời hạn đó B không trả nợ thì A sẽ chuyển thành nợ dài hạn và tính lãi suất tăng 100%. Đến thời hạn trả nợ, B không trả nợ cho A như đã thỏa thuận. Sau nhiều lần tiến hành đòi nợ, A đã thỏa thuận được với B bằng văn bản: Cho phép B gia hạn thời hạn trả nợ đến ngày 01/3/2011. Tuy nhiên, đến thời hạn 01/3/2011, B cũng không chịu trả nợ cho A. Chính vì vậy, ngày 15/3/2011, A đã khởi kiện tại Tòa án yêu cầu B trả nợ cho A. Bạn hãy trả lời và nêu cơ sở pháp lý cùng với sự giải thích các câu hỏi sau:

**1 – A có quyền khởi kiện B đòi nợ trong trường hợp này hay không?.**

## Đáp án

Căn cứ theo quy định tại khoản 1, Điều 4 và Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định về Quyền yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp thì A có quyền khởi kiện vụ án dân sự tại Tòa án để yêu cầu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Căn cứ pháp lý: khoản 1, Điều 4 và Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

## **2 – Xác định Quan hệ pháp luật tranh chấp và tư cách đương sự?**

### **Đáp án**

#### ***Xác định Quan hệ pháp luật tranh chấp***

Tranh chấp trên là tranh chấp về hợp đồng giữa A và B nên đây là quan hệ pháp luật dân sự.

#### ***Xác định tư cách của đương sự***

Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Đương sự trong vụ án dân sự là cơ quan, tổ chức, cá nhân bao gồm nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Trong đó:

Nguyên đơn là A, do A là người khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án dân sự.

Bị đơn là B, do B là người bị nguyên đơn (A) khởi kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Không.

Căn cứ pháp lý: khoản 1, 2, 3 và 4, Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

## **3 – Giả sử Tòa án có thẩm quyền đã thụ lý và phát hiện đã hết thời hiệu thời kiện thì Tòa án phải xử lý như thế nào?**

### **Đáp án**

Căn cứ theo quy định tại điểm e, khoản 1, Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định về Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thì Trường hợp Tòa án có thẩm quyền đã thụ lý và phát hiện đã hết thời hiệu thời kiện thì Tòa án (Lúc này ra bản án, quyết định giải quyết vụ án) mà đương sự có yêu cầu áp dụng thời hiệu thì Tòa án (Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án) ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự.

Nếu đương sự không có yêu cầu áp dụng thời hiệu thì Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của pháp luật.

Căn cứ pháp lý: điểm e, khoản 1, Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

## **4 – Nếu Tòa án đã thụ lý vụ án nhưng sau đó các bên lại thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết số tiền nợ thì Tòa án phải xử lý như thế nào?**

## **5 – Nếu trong quá trình Tòa án giải quyết mà A chết thì Tòa án phải xử lý tình huống này như thế nào?./.**

### **Đáp án**

Có 02 trường hợp:

Trường hợp A chết mà chưa có cơ quan, tổ chức, cá nhân kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của A thì Tòa án ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự. Căn cứ theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 214 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Trường hợp A chết mà không có cơ quan, tổ chức, cá nhân kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của A thì Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự. Căn cứ theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ pháp lý: điểm a, khoản 1, Điều 214 và điểm a, khoản 1, Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự 2015

**Bài tập 3:** Năm 2010, A và B kết hôn. Năm 2012, A và B thỏa thuận tình ly hôn và mỗi người sẽ trả một nửa số tiền đã vay của ông C là 50 triệu đồng. Nêu cách giải quyết của Tòa án trong các trường hợp sau:

**1 – Khi nhận được thông báo của Tòa án, ông C cho rằng vợ A và B đã vay của ông 100 triệu chứ không phải là 50 triệu.**

**Đáp án**

Căn cứ quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định về Nghĩa vụ chứng minh thì đương sự có yêu cầu phải tự chứng minh đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp.

Do đó, ông C cho rằng vợ A và B đã vay của ông 100 triệu chứ không phải là 50 triệu thì ông C có nghĩa vụ cung cấp các chứng cứ chứng minh việc vợ A và B đã vay của ông 100 triệu đồng.

Trường hợp ông C không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ chứng minh việc vợ A và B đã vay của ông 100 triệu đồng thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.

Căn cứ pháp lý: Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

**2 – Trong quá trình Tòa án giải quyết, A và B phát sinh tranh chấp về việc cấp dưỡng cho con, C không phản đối với sự thỏa thuận của A và B về cách chi trả khoản vay trên.**

**Đáp án**

Căn cứ quy định tại khoản 5, Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì trường hợp A và B hòa giải đoàn tụ không thành mà A và B phát sinh tranh chấp về việc cấp dưỡng

cho con thì Tòa án đình chỉ giải quyết việc dân sự về công nhận thuận tình ly hôn và thụ lý vụ án để giải quyết.

Căn cứ pháp lý: khoản 5, Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

**Bài tập 4:** A (30 tuổi, có hộ khẩu thường trú tại Quận 1, TPHCM) cho B (35 tuổi, có hộ khẩu thường trú tại Quận 3, TPHCM) vay 500 triệu trong thời hạn là 6 tháng tính từ ngày 01/01/2009. B thế chấp cho A căn nhà tại Quận 12 TPHCM thuộc sở hữu của A. Hợp đồng vay tiền và thế chấp giữa A và B có công chứng hợp pháp. Tuy nhiên, đến tháng 08/2009 B vẫn không trả khoản tiền nêu trên A đã khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc B trả khoản tiền đã vay.

Với nội dung như trên, Anh chị hãy xác định:

**1 – Tòa án nào có thẩm quyền giải quyết tranh chấp trên? Căn cứ pháp lý?**

**Đáp án**

Nếu trong hợp đồng vay của A và B thỏa thuận Tòa án nhân dân Quận 1 nơi nguyên đơn là A cư trú có thẩm quyền giải quyết tranh chấp thì thẩm quyền giải quyết thuộc về Tòa án nhân dân Quận 1 (Tòa án các bên đã thỏa thuận). Căn cứ theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 35 và quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nếu trong hợp đồng vay của A và B không thỏa thuận Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp hoặc giữa A và B có văn bản thỏa thuận Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp thì: Căn cứ theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định về Thẩm quyền theo lãnh thổ và quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định về Thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện thì Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân Quận 3 – Tòa án nơi bị đơn cư trú.

Căn cứ pháp lý: điểm a, khoản 1, Điều 35 và điểm a, b khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

**2 – Giả sử tại phiên tòa sơ thẩm. A, B đã thỏa thuận được với nhau là B sẽ trả cho A khoản tiền 500 triệu đồng trong thời gian là 1 tháng, B chịu toàn bộ án phí sơ thẩm và A, B không yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án nữa nên Hội đồng xét xử đã ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Hội đồng xét xử ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như trên là đúng hay sai? Tại sao?./.**

**Đáp án**

Hội đồng xét xử ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như trên là đúng.

Bởi vì: Căn cứ theo quy định tại khoản 1, Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định về Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự thì: Tại phiên tòa sơ thẩm, trong phần thủ tục bắt đầu phiên tòa, Chủ tọa phiên tòa hỏi các đương sự có thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án hay không, nếu A, B đã thỏa thuận được với nhau là B sẽ trả cho A khoản tiền 500 triệu đồng trong thời gian là 1 tháng, B chịu toàn bộ án phí sơ thẩm và A, B không yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án nữa và xét thấy sự thỏa thuận này là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội thì Hội đồng xét xử ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giải quyết vụ án.

Căn cứ pháp lý: khoản 1, Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

**Bài tập 5:** Ngày 01/01/2013, Anh A (Cư trú tại quận 1) khởi kiện anh B (Cư trú tại Quận 2) và chị C (Cư trú tại quận 3), với yêu cầu: anh B và chị C phải trả lại anh A căn nhà thuê tại Quận 4 (do anh A là chủ sở hữu) đã hết hạn thuê từ ngày 01/10/2012 và tiền thuê nhà hàng tháng 11 và tháng 12 năm 2012 là 20 triệu đồng. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, anh B và chị C nộp đơn đến Tòa án với yêu cầu: anh A phải trả lại cho anh B và chị C số tiền vay là 30 triệu đồng, mà anh A đã vay của anh B và chị C đã hết hạn trả từ ngày 01/11/2012 mà chưa trả. Hỏi:

**1 – Tòa án có chấp nhận đơn yêu cầu của anh B và chị C để xét xử chung trong vụ án do anh A khởi kiện không? Tại sao?**

**Đáp án**

Tòa án có thể chấp nhận đơn yêu cầu phản tố này của anh B và chị C để xét xử chung trong vụ án do anh A khởi kiện. Do căn cứ theo quy định tại khoản 4, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định về Yêu cầu phản tố và điểm b, khoản 2, Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định về thì yêu cầu của anh B và chị C được Tòa án chấp nhận do yêu cầu của anh B và chị C nếu được chấp nhận sẽ dẫn đến loại trừ việc chấp nhận một phần hoặc toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Căn cứ pháp lý: khoản 4, Điều 72 và điểm b, khoản 2, Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

**2 – Xác định những tòa án có thẩm quyền thụ lý giải quyết đơn khởi kiện của anh A?**

**Đáp án**

Đối với yêu cầu khởi kiện đòi đòi trả lại căn nhà tại Quận 4 thì Tòa án nhân dân Quận 4 có thẩm quyền giải quyết.

Do căn cứ theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định về Thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện và điểm c, khoản 1, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định về Thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ thì

chỉ có Tòa án nơi có bất động sản có thẩm quyền giải quyết mà bất động sản đang nằm ở Quận 4 nên Tòa án nhân dân Quận 4 có thẩm quyền giải quyết.

Căn cứ pháp lý: điểm a, khoản 1, Điều 35 và điểm c, khoản 1, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với yêu cầu đòi tiền thuê nhà hàng tháng 11 và tháng 12 năm 2016 là 20 triệu đồng.

Căn cứ theo quy định tại điểm h, khoản 1, Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định về Thẩm quyền của Tòa án theo sự lựa chọn của nguyên đơn thì A có quyền chọn Tòa án nhân dân Quận 2 hoặc Tòa án nhân dân Quận 3 để khởi kiện do nơi cư trú của các bị đơn là khác nhau. Căn cứ theo quy định tại điểm g, khoản 1, Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì do việc đòi tiền thuê nhà phát sinh từ hợp đồng thuê nhà tại Quận 4 nên hợp đồng được thực hiện ở Quận 4 do đó Tòa án nhân dân Quận 4 cũng có thẩm quyền giải quyết vụ việc.

Căn cứ pháp lý: điểm a, khoản 1, Điều 35 và điểm h, g, khoản 1, Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Kết luận: A có thể khởi kiện vụ việc ra Tòa án nhân dân Quận 4 để Tòa án nhân dân Quận 4 thụ lý và giải quyết 02 yêu cầu trên.

**3 – Tại phiên tòa sơ thẩm, Anh A rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Quyết định này đúng pháp luật không? Tại sao?./.**

**Đáp án**

Có 02 trường hợp xảy ra:

Nếu anh A rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện và anh B và chị C cũng rút toàn bộ yêu cầu phản tố thì Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án là đúng pháp luật. (Căn cứ theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015).

Nếu anh A rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện và anh B và chị C không rút yêu cầu phản tố thì lúc này anh B và chị C trở thành nguyên đơn và anh A trở thành bị đơn dân sự (căn cứ Điều 245, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định về Thay đổi địa vị tố tụng), Tòa án sẽ đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu anh A đã rút (căn cứ khoản 2, Điều 244, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015). Vụ án sẽ được tiếp tục giải quyết theo quy định của pháp luật. Nếu Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án là trái quy định pháp luật.

Căn cứ pháp lý: điểm a, khoản 2, Điều 217; Điều 245 và khoản 2, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

**Bài tập 6:** Doanh nghiệp tư nhân A (do ông K là chủ doanh nghiệp) vay của ngân hàng B số tiền là 5 tỷ đồng. Việc vay vốn này là để phục vụ hoạt động kinh doanh. Khi vay vốn, doanh nghiệp A thế chấp căn nhà số 01 đường Y quận X thành phố H do ông C là chủ

sở hữu, bảo lãnh. Theo hợp đồng, nếu doanh nghiệp A không trả được nợ thì ông C sẽ trả thay. Đến hạn trả nợ, do doanh nghiệp A không trả nên ngân hàng B đã khởi kiện vụ án và đã được Tòa án thụ lý. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án thì ông K chết và doanh nghiệp A không còn tài sản.

Do ông K chết nên ngân hàng B đã khởi kiện ông C ra Tòa án. Tòa án đã thụ lý vụ án và xác định đây là tranh chấp kinh doanh, thương mại.

Theo anh chị, Tòa án xác định loại tranh chấp như vậy là đúng hay sai? Tại sao?./.

## **Đáp án**

Tòa án xác định loại tranh chấp như vậy là Sai.

Quan hệ giữa ông C và Ngân hàng B là quan hệ hợp đồng bảo lãnh, ông C bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng dân sự vay tiền của Doanh nghiệp tư nhân A với Ngân hàng B nên đây là quan hệ dân sự (Tranh chấp trên là về hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3, Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định về Những tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án). Mặt khác, căn cứ theo quy định tại khoản 1, Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định về Những tranh chấp về kinh doanh, thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thì Tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận mà ông C và Ngân hàng B trong trường hợp trên không có kinh doanh với nhau và ông C không vì mục đích lợi nhuận.

Căn cứ pháp lý: khoản 3, Điều 26 và khoản 1, Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

**Bài tập 7:** Chi nhánh Ngân hàng Công thương Việt Nam ở quận Phú Nhuận TPHCM ký hợp đồng cho doanh nghiệp tư nhân Minh Như (chủ doanh nghiệp là ông Minh) có trụ sở tại Quận 3 TPHCM vay vốn phục vụ hoạt động kinh doanh. Để đảm bảo cho khoản vốn vay, vợ chồng ông Minh và bà Như (cư trú tại quận Bình Thạnh, TPHCM) thế chấp căn nhà thuộc quyền sở hữu chung hợp nhất của họ ở Quận 7, TPHCM cho ngân hàng. Do đến hạn nhưng bên vay không trả khoản tiền vay nêu trên nên bên cho vay khởi kiện để yêu cầu tòa án giải quyết.

**1 – Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp trên không? Căn cứ pháp lý?.**

***Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp trên hay không?***

Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp trên bởi vì tranh chấp trên là tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa ông Minh và Chi nhánh Ngân hàng Công thương Việt Nam ở quận Phú Nhuận. Quan hệ giữa ông Minh và bà Như (cư trú tại quận Bình Thạnh, TPHCM) thế chấp căn nhà thuộc quyền sở hữu chung hợp nhất của họ ở Quận 7 cho Chi nhánh Ngân hàng Công thương Việt Nam ở quận Phú Nhuận để đảm bảo khoản vay của ông Minh và Chi nhánh Ngân hàng Công thương Việt Nam ở quận Phú Nhuận là hợp đồng bảo lãnh.

Do đó, đây là tranh chấp dân sự nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp này của các bên đương sự.

Căn cứ pháp lý: khoản 3, Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

**Mở rộng: Tòa án nào có thẩm quyền giải quyết?**

Do Chi nhánh Ngân hàng Công thương Việt Nam ở quận Phú Nhuận khởi kiện doanh nghiệp tư nhân Minh Như có trụ sở ở Quận 3 mà doanh nghiệp tư nhân không phải là pháp nhân nên thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án xác định theo nơi cư trú của bị đơn là ông Minh – đại diện của doanh nghiệp tư nhân Minh Như. Do đó, Tòa án nhân dân Quận Bình Thạnh có thẩm quyền giải quyết tranh chấp trên.

Căn cứ pháp lý: điểm a, khoản 1, Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nếu trong thời gian tòa án thụ lý giải quyết vụ án, bà Như đang đi du lịch ở Singapore thì thẩm quyền giải quyết của tòa án có thay đổi không? Vì sao?

**Đáp án**

Căn cứ theo quy định tại khoản 3, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 về Thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ thì: Trường hợp vụ án dân sự đã được Tòa án thụ lý và đang giải quyết theo đúng quy định của Bộ luật này về thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ thì phải được Tòa án đó tiếp tục giải quyết mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án có sự thay đổi nơi cư trú, trụ sở hoặc địa chỉ giao dịch của đương sự. Do đó, trong thời gian tòa án thụ lý giải quyết vụ án, bà Như đang đi du lịch ở Singapore thì thẩm quyền giải quyết của tòa án không thay đổi.

Căn cứ pháp lý: khoản 3, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015

**2 – Xác định tư cách tham gia tố tụng của các chủ thể? Căn cứ pháp lý?./.**

**Đáp án**

Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Đương sự trong vụ án dân sự là cơ quan, tổ chức, cá nhân bao gồm nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Trong đó:

Nguyên đơn: Chi nhánh Ngân hàng Công thương Việt Nam ở quận Phú Nhuận, do Chi nhánh Ngân hàng Công thương Việt Nam ở quận Phú Nhuận là người khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án dân sự.

Bị đơn: ông Minh, do ông Minh là người bị nguyên đơn (Chi nhánh Ngân hàng Công thương Việt Nam ở quận Phú Nhuận) khởi kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Như là người có quyền, lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án vì là người tuy không khởi kiện, không bị kiện, nhưng việc giải quyết vụ án dân sự có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của bà.



Căn cứ pháp lý: khoản 1, 2, 3 và 4, Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

**Bài tập 8:** Chị Tiên kết hôn với anh Sỹ năm 1995, sinh được 3 con là Sử 1996, Sự 1997, Sáng 1998. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên chị Tiên nộp đơn khởi kiện xin ly hôn, đơn này được Tòa án có thẩm quyền đã thụ lý vụ án. Trong đơn khởi kiện, chị Tiên yêu cầu được ly hôn, được nuôi 3 con chung, không yêu cầu anh Sỹ cấp dưỡng, yêu cầu được chia 50% giá trị tài sản chung là căn nhà trị giá khoảng 7 tỷ tại quận 8 hiện anh chị và các con đang ở, yêu cầu anh Sỹ phải trả số nợ chung 2 tỷ đồng cho chủ nợ là ông Hùng. Hỏi:

### **a – Xác định tư cách của đương sự?**

#### **Đáp án**

Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Đương sự trong vụ án dân sự là cơ quan, tổ chức, cá nhân bao gồm nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Trong đó:

Nguyên đơn: chị Tiên, do chị Tiên là người khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án dân sự.

Bị đơn: anh Sỹ, do anh Sỹ là người bị nguyên đơn (chị Tiên) khởi kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: cháu Sử, Sự và Sáng là người có quyền, lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án vì là người tuy không khởi kiện, không bị kiện, nhưng việc giải quyết vụ án dân sự có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của các cháu (Ví dụ: Quyền nuôi các cháu sẽ thuộc về ai? Ai có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với các cháu).

Căn cứ pháp lý: khoản 1, 2, 3 và 4, Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

### **b – Nguyên đơn, bị đơn có quyền ủy quyền cho người khác tham gia tố tụng không?**

#### **Đáp án**

Căn cứ quy định tại đoạn 2, khoản 4, Điều 85 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định về người đại diện thì: Nguyên đơn (chị Tiên), bị đơn (anh Sỹ) không có quyền ủy quyền cho người khác tham gia tố tụng bởi vì đối với việc ly hôn, đương sự không được ủy quyền cho người khác thay mặt mình tham gia tố tụng và trong trường hợp trên do chị Tiên trực tiếp yêu cầu ly hôn không phải trường hợp cha, mẹ, người thân thích khác yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Ngoài ra, có thể căn cứ quy định tại khoản 13, Điều 70, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định về Quyền, nghĩa vụ của đương sự thì đương sự có thể tự bảo vệ hoặc nhờ người khác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình.

Căn cứ pháp lý: đoạn 2, khoản 4, Điều 85 và khoản 13, Điều 70, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bài tập 9: Ông Tuấn, bà Hà có 4 người con gồm: Hùng cư trú quận Ba Đình, Dũng cư trú quận Hoàn Kiếm, Kiên cư trú tại Hoa Kỳ, Cường cư trú tại Nhật Bản. Tháng 1/2014, anh Hùng khởi kiện yêu cầu anh Dũng phải chia căn nhà do cha mẹ chết để lại, không có di chúc, nhà tọa lạc tại quận Hoàng Mai, hiện anh Dũng đang cho Công ty TNHH Hoàng Vũ và anh John (quốc tịch Anh) thuê. Tòa án có thẩm quyền đã thụ lý vụ án. Hỏi:

### **a – Xác định tư cách đương sự?**

Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Đương sự trong vụ án dân sự là cơ quan, tổ chức, cá nhân bao gồm nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Trong đó:

Nguyên đơn: anh Hùng, do anh Hùng là người khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án dân sự.

Bị đơn: anh Dũng, do anh Dũng là người bị nguyên đơn (anh Hùng) khởi kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh Kiên, anh Cường, Công ty TNHH Hoàng Vũ và anh John (quốc tịch Anh) là người có quyền, lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án vì là người tuy không khởi kiện, không bị kiện, nhưng việc giải quyết vụ án dân sự có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ (Ví dụ: Nếu chia thừa kế thì anh Kiên và anh Cường cũng có thể được hưởng thừa kế, ảnh hưởng quyền lợi Công ty TNHH Hoàng Vũ và anh John (quốc tịch Anh)...).

Căn cứ pháp lý: khoản 1, 2, 3 và 4, Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

### **b -Bắt buộc phải có người phiên dịch trong vụ án trên không?**

#### **Đáp án**

Không bắt buộc phải có người phiên dịch trong vụ án trên.

Bởi vì:

Căn cứ Điều 69 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định về Người phiên dịch thì Người phiên dịch là người có khả năng dịch từ một ngôn ngữ khác ra tiếng Việt và ngược lại trong trường hợp có người tham gia tố tụng không sử dụng được tiếng Việt. Do đó, trong vụ án trên nếu các đương sự đều biết, hiểu và sử dụng được Tiếng Việt thì có thể không cần phải có người phiên dịch.

Căn cứ pháp lý: Điều 69 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

### **c – Nếu anh Dũng bị cầm điếc thì Tòa án xử lý thế nào?**

#### **Đáp án**

Căn cứ Điều 69 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định về Người phiên dịch thì: Nếu anh Dũng bị cầm điếc thì Tòa án sẽ cho các bên đương sự tự thỏa thuận lựa chọn Người phiên dịch để Tòa án xem xét đồng ý, nếu các bên đương sự không tự thỏa thuận lựa chọn được hoặc tự thỏa thuận được nhưng không được Tòa án đồng ý thì Tòa án sẽ tự yêu cầu người phiên dịch cho anh Dũng.

Căn cứ pháp lý: Căn cứ pháp lý: Điều 69 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

Mở rộng: Người thân thích của anh Dũng có thể làm người phiên dịch không?

Căn cứ đoạn 2, khoản 4, Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định về quyền và nghĩa vụ của Người phiên dịch thì Trong trường hợp chỉ có người đại diện hoặc người thân thích của người câm, người điếc biết được dấu hiệu của họ thì người đại diện hoặc người thân thích có thể được Tòa án chấp nhận làm phiên dịch cho người câm, người điếc đó.

Căn cứ pháp lý: đoạn 2, khoản 4, Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

**Bài tập 10:** Bà Lan cho ông Tú vay 300tr, không lãi suất, để mở cửa hàng bán thức ăn gia súc, thời hạn 2 năm, có hợp đồng tay ngày 10/10/2012. Do ông Tú không trả nợ vay, ngày 20/9/2013, bà Lan khởi kiện ông Tú đến Tòa án có thẩm quyền yêu cầu xét xử buộc ông Tú trả nợ vay 300tr, không yêu cầu trả lãi. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, ông Tú có đơn yêu cầu bà Lan trả 40tr tiền thức ăn gia súc bà Lan mua từ tháng 1/2012 đến tháng 7/2013 chưa trả, được Tòa án chấp nhận giải quyết trong cùng vụ án do bà Lan khởi kiện.  
Hỏi:

### **a – Xác định tư cách của đương sự?**

#### **Đáp án**

Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Đương sự trong vụ án dân sự là cơ quan, tổ chức, cá nhân bao gồm nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Trong đó:

Nguyên đơn: bà Lan, do bà Lan là người khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án dân sự.

Bị đơn: ông Tú, do ông Tú là người bị nguyên đơn (bà Lan) khởi kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Không.

Căn cứ pháp lý: khoản 1, 2, 3 và 4, Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

**b – Việc Tòa án giải quyết yêu cầu của ông Tú trong cùng vụ án do bà Lan khởi kiện là đúng pháp luật không?**

**Đáp án**

Việc Tòa án giải quyết yêu cầu của ông Tú trong cùng vụ án do bà Lan khởi kiện là đúng pháp luật.

Bởi vì: Căn cứ theo quy định tại khoản 4, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định về Quyền và nghĩa vụ của bị đơn thì ông Tú có quyền đưa ra yêu cầu phản tố là đòi bà Lan trả 40tr tiền thức ăn gia súc bà Lan mua từ tháng 1/2012 đến tháng 7/2013 chưa trả.

Căn cứ khoản 2, Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định về Quyền yêu cầu phản tố của bị đơn thì Tòa án khi xét thấy Yêu cầu phản tố của ông Tú nếu được chấp nhận dẫn đến loại trừ việc chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn thì Tòa án sẽ chấp nhận và giải quyết luôn trong cùng vụ án hình sự.

Căn cứ pháp lý: khoản 4, Điều 72 và khoản 2, Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

**Mở rộng:** Trường hợp ông Tú có Yêu cầu phản tố như trên (đòi bà Lan trả 40tr tiền thức ăn gia súc bà Lan mua từ tháng 1/2012 đến tháng 7/2013 chưa trả) nhưng Tòa án không chấp nhận thì ông Tú phải làm gì để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

**Đáp án:** Căn cứ theo quy định tại khoản 6, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định về Quyền và nghĩa vụ của bị đơn thì trường hợp yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu độc lập của ông Tú không được Tòa án chấp nhận để giải quyết trong cùng vụ án thì ông Tú có quyền khởi kiện vụ án khác.

Căn cứ pháp lý: khoản 6, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

**c – Giả sử Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án là cháu rể của ông Tú. Theo quy định của pháp luật, bà Lan cần làm gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.**

**Đáp án**

Căn cứ theo quy định tại khoản 14, Điều 70; khoản 1, Điều 72 và khoản 3, Điều 52, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định về Quyền, nghĩa vụ của đương sự thì bà Lan có quyền Yêu cầu thay đổi Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án với lý do nếu Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án là cháu rể của ông Tú thì có thể ảnh hưởng đến sự công tâm, vô tư khi giải quyết vụ án nêu trên của Thẩm phán.

Căn cứ pháp lý: khoản 14, Điều 70 và khoản 3, Điều 52, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

**d – Ông Tú có quyền ủy quyền cho Luật sư tham gia tố tụng không?**

**Đáp án**

Ông Tú có quyền ủy quyền cho Luật sư tham gia tố tụng.

Bởi vì: Theo quy định tại khoản 13, Điều 70 và khoản 1, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì ông Tú có thể tự mình tham gia tố tụng hoặc có quyền ủy quyền cho người khác tham gia tố tụng bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Ông Tú có quyền ủy quyền cho Luật sư tham gia tố tụng.

Căn cứ pháp lý: khoản 13, Điều 70 và khoản 1, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

**Bài tập 11:** Ngày 10/10/2012, Công ty A ký hợp đồng với Công ty B, nội dung: Công ty A thi công ép cọc toàn bộ công trình Kiên Lương Plaza, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang cho Công ty B, thời hạn hợp đồng 01 năm, giá trị hợp đồng: tính theo số mét cọc thực tế, đơn giá 90.000đ/m. Sau khi Công ty A ép cọc giai đoạn 1 xong thì Công ty B đơn phương chấm dứt hợp đồng. Công ty A khởi kiện yêu cầu Công ty B thanh toán khối lượng đã thi công 4.700m, tương đương 423tr. Hỏi:

**a – Giả sử tại phiên hòa giải, nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận về việc giải quyết tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết bằng bản án, quyết định. Tòa án xử lý tình huống này như thế nào?**

**Đáp án**

Căn cứ theo quy định tại khoản 5, Điều 211, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì trường hợp nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận về việc giải quyết tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết bằng bản án, quyết định thì Tòa án lập biên bản hòa giải thành.

Căn cứ theo quy định tại khoản 1, Điều 212, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định về việc ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự thì hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành mà không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận trên thì Thẩm phán chủ trì phiên hòa giải hoặc một Thẩm phán được Chánh án Tòa án phân công phải ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Căn cứ pháp lý: khoản 5, Điều 211 và khoản 1, Điều 212 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

**b – Giả sử hòa giải không thành nên Tòa án mở phiên tòa để xét xử. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đưa ra yêu cầu buộc bị đơn phải bồi thường 100 triệu do bị đơn đơn phương chấm dứt hợp đồng. Tòa án xử lý tình huống này như thế nào?**

## Đáp án

Căn cứ theo quy định tại khoản 4, Điều 70 và khoản 1, Điều 71, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định về quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn thì nguyên đơn có quyền thay đổi, bổ sung yêu cầu của mình.

Căn cứ theo quy định tại khoản 1, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định về việc Xem xét việc thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu thì Trong trường hợp tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đưa ra yêu cầu buộc bị đơn phải bồi thường 100 triệu do bị đơn đơn phương chấm dứt hợp đồng thì Tòa án (cụ thể là Hội đồng xét xử) có thể chấp nhận việc thay đổi, bổ sung yêu cầu của đương sự nếu việc thay đổi, bổ sung yêu cầu của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện. Xét thấy, yêu cầu trên nằm trong phạm vi yêu cầu khởi kiện theo quy định tại Điều 188 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 do cùng hướng tới yêu cầu giải quyết quan hệ dân sự là hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng của bị đơn nên Tòa án chấp nhận việc yêu cầu bồi thường thiệt hại của bị đơn.

Căn cứ pháp lý: khoản 4, Điều 70 và khoản 1, Điều 71; khoản 1, Điều 244; Điều 188 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

Bài tập 12: Chị Mai khởi kiện yêu cầu anh Bình phải trả 02 tháng tiền nhà bằng 20 triệu (tháng 11 + tháng 12/2015). Bản án sơ thẩm của TAND huyện X tuyên xử: buộc anh Bình phải trả số tiền thuê nhà tháng 12/2015 cho chị Mai là 10 triệu đồng, không chấp nhận yêu cầu đòi tiền thuê nhà tháng 11/2015, vì không có chứng cứ. Chị Mai kháng cáo với yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án, buộc anh Bình trả đủ số tiền thuê nhà còn nợ là 20 triệu đồng. Hỏi:

a – Xác định tư cách đương sự?

## Đáp án

Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Đương sự trong vụ án dân sự là cơ quan, tổ chức, cá nhân bao gồm nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Trong đó:

Nguyên đơn: chị Mai, do chị Mai là người khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án dân sự.

Bị đơn: anh Bình do anh Bình là người bị nguyên đơn (chị Mai) khởi kiện yêu cầu trả tiền nhà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Không.

Căn cứ pháp lý: khoản 1, 2, 3 và 4, Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

**b – Sau khi thụ lý phúc thẩm, anh Bình làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Mai phải trả lại cho anh số tiền 5 triệu đồng mà anh Bình đã bỏ ra để sửa chữa nhà**

**trong thời gian thuê. Hãy cho biết hướng giải quyết của Tòa án trong trường hợp này?**

### **Đáp án**

Thứ nhất, anh Bình làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Mai phải trả lại cho anh số tiền 5 triệu đồng mà anh Bình đã bỏ ra để sửa chữa nhà trong thời gian thuê (yêu cầu phản tố) của anh Bình không thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm. Căn cứ theo quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về Phạm vi xét xử phúc thẩm thì Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại phần của bản án sơ thẩm, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm có kháng cáo, kháng nghị hoặc có liên quan đến việc xem xét nội dung kháng cáo, kháng nghị.

Thứ hai, anh Bình không có quyền yêu cầu phản tố trong thời điểm vụ án đang ở giai đoạn phúc thẩm. Trường hợp này, căn cứ theo quy định tại khoản 3, Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định về Quyền yêu cầu phản tố của bị đơn thì anh Bình có quyền đưa ra yêu cầu phản tố trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ở giai đoạn xét xử sơ thẩm. Đây là giai đoạn phúc thẩm nên anh Bình không có quyền phản tố.

Trường hợp anh Bình muốn bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình thì có thể khởi kiện một vụ án dân sự mới yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu của mình.

Căn cứ pháp lý: Điều 293 và khoản 3, Điều 300, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

**Bài tập 13:** Ngày 21/7/2013, Công ty A ký hợp đồng với Công ty B với nội dung: Công ty A san lấp toàn bộ mặt bằng khu công nghiệp Lê Minh Xuân, trị giá hợp đồng 5 tỷ, thanh toán làm 5 đợt, theo tiến độ thi công công trình. Công ty A đã thi công xong giai đoạn 4 của công trình, nhận 3 tỷ đồng (là giá trị thi công giai đoạn 1, 2, 3; còn giai đoạn 4 chưa thanh toán) thì Công ty B đơn phương chấm dứt hợp đồng. Công ty A khởi kiện yêu cầu Công ty B thanh toán 1 tỷ đồng giá trị thi công giai đoạn 4, được Tòa án thụ lý vụ án. Hỏi:

**a/ Tại phiên hòa giải, bị đơn đề nghị Tòa án hoãn phiên hòa giải để bị đơn làm thủ tục yêu cầu người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp. Đề nghị này có được Tòa án chấp nhận không? Tại sao?**

### **Đáp án**

Tại phiên hòa giải, bị đơn đề nghị Tòa án hoãn phiên hòa giải để bị đơn làm thủ tục yêu cầu người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp thì Tòa án không chấp nhận đề nghị của bị đơn.

Về nguyên tắc, căn cứ theo quy định tại khoản 3, Điều 209 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định về Thành phần phiên hòa giải thì nếu các đương sự đề nghị hoãn phiên hòa giải để có mặt tất cả các đương sự trong vụ án thì Thẩm phán mới phải hoãn phiên

hợp. Trong trường trên, đã có mặt đủ các bên đương sự nên Tòa án không có căn cứ để chấp nhận đề nghị của bị đơn.

Căn cứ pháp lý: khoản 3, Điều 209 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

**Mở rộng:** Trong trường hợp trên nếu bạn chưa kịp mời người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho mình thì hãy vắng mặt tại phiên hòa giải sau đó mời người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho mình tham gia hòa giải lần sau, nhưng lưu ý chỉ vắng mặt được 01 lần, nếu bạn đã từng vắng mặt 01 lần thì nếu tiếp tục vắng mặt lần 02 thì được xem như không tiến hành hòa giải được và Tòa án sẽ mở phiên tòa sơ thẩm xét xử vụ án.

**b- Giả sử tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn rút toàn bộ đơn khởi kiện, Tòa án giải quyết vụ án như thế nào?**

**Đáp án**

Căn cứ theo quy định tại khoản 1, Điều 244, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định về việc Xem xét việc thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu của đương sự thì trường hợp nguyên đơn rút toàn bộ đơn khởi kiện thì Tòa án (Hội đồng xét xử) chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần khởi kiện của nguyên đơn, tiếp tục giải quyết yêu cầu độc lập khác của người có quyền, nghĩa vụ liên quan, yêu cầu phản tố khác của bị đơn (nếu có).

Trường hợp vụ án không có yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập khác thì Hội đồng xét xử ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án.

Căn cứ pháp lý: khoản 1, Điều 244, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

**Mở rộng:** Trong trường hợp bị đơn có yêu cầu phản tố không rút yêu cầu của mình thì bị đơn trở thành nguyên đơn và ngược lại nguyên đơn trở thành bị đơn.